

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 95/2019/DS-ST

Ngày: 28/11/2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Hồng Dung**

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông **Phạm Thanh Thanh**

Ông **Bui Thanh Trí**

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa:* Bà **Võ Thị Nhu** – Kiểm sát viên.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh**.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2019/TLST- DS ngày 10 tháng 7 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 290/2019/QĐXX - ST ngày 25 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng L.**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Tuấn A.** Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện ủy quyền; Ông **Nguyễn Văn B.** Chức vụ: Giám đốc.

Trụ sở: phường V, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ chi nhánh: phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng là ông **Trương Hữu H** - Nhân viên Phòng giao dịch C. Văn bản ủy quyền ngày 06/6/2019.

Địa chỉ chi nhánh: quốc lộ E, phường B, quận C

Bị đơn: - Bà **Nguyễn Thị Phúc H**, sinh năm 1985.

- Ông **Lê Minh T**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: khu vực Y, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2019 và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Trương Hữu H** trình bày:*

Ngày 01/10/2018, Ngân hàng TMCP L có ký kết hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số A618342/HĐTD-CC với ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Phúc H. Nội dung hợp đồng là Ngân hàng TMCP L cho bà H và ông T vay số tiền là 20.000.000đ, thời hạn vay là 120 ngày, lãi suất vay là 14,94%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngày trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là xe gắn máy mang biển số 65C1-1184, giấy chứng nhận số 012106 do Công an quận C cấp ngày 01/4/2010, số máy 5P11168489, số khung P110AY168489, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đen, dung tích 133, chủ sở hữu là ông Lê Minh T. Thực hiện hợp đồng thì ông T và bà H chỉ thanh toán cho ngân hàng 2.820.000đ. Khi đến hạn thanh toán thì Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở nhưng ông T và bà H chỉ cam kết nhưng không thực hiện đúng cam kết. Số nợ mà ông T và bà H là 17.622.700đ nợ gốc và lãi tính từ tháng 01/2019 đến tháng 9/2019 với số tiền lãi là 2.109.348đ. Tổng cộng là 19.732.048đ. Trong vụ án này, nguyên đơn chỉ yêu cầu đòi nợ không yêu cầu giải quyết tài sản thế chấp. Do bị đơn vắng mặt và không có cơ sở để thẩm định tài sản thế chấp.

Do bị đơn vắng mặt nên vụ án không hòa giải được, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

** Ý kiến nhận xét của Kiểm sát viên:*

- *Về tố tụng:* Tòa thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải đúng luật định; gửi các văn bản tố tụng và hồ sơ cho Viện kiểm sát, đưa ra xét xử đúng hạn. Tại tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng qui định, các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, nhìn chung không có kiến nghị.

- *Về nội dung:* Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến nhận xét và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thẩm quyền:** Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày thừa nhận của bị đơn. Xác định đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” và bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C theo khoản 3 Điều 26, 36, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

*** Về trình tự thủ tục:** Căn cứ kết quả xác minh địa chỉ của Công an phường B, quận C thì bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 43/5 khu vực Y, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ và hiện nay vẫn còn sinh sống tại địa phương. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành triệu tập và niêm yết hợp lệ cho bị đơn 02 lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*** Về nội dung yêu cầu khởi kiện:**

+ **Về số nợ:** Căn cứ hợp đồng ký kết hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số A618342/HĐTD-CC ngày 01/10/2018, thấy rằng Ngân hàng TMCP L có với bị đơn ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Phúc H có giao dịch vay tiền như sau: Ngân hàng TMCP L cho bà H và ông T vay số tiền là 20.000.000đ, thời hạn vay là 120 ngày, lãi suất vay là 14,94%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngày trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Phương thức thanh toán là trả góp theo từng ngày, bắt đầu trả từ ngày 02/10/2018 đến ngày 29/01/2019, mỗi ngày 174.846đ, ngày cuối góp 175.646đ. Theo nguyên đơn trình bày thì từ khi vay đến nay bị đơn chỉ trả được 2.820.000đ. Số nợ mà ông T và bà H là 17.180.000đ nợ gốc và lãi tính từ tháng 01/2019 đến tháng 9/2019 với số tiền lãi là 2.109.048đ. Tổng cộng là 19.289.048đ. Từ khi khởi kiện đến nay, bị đơn không trả thêm số tiền nào và trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án thông báo và triệu tập đến giải quyết nhưng bị đơn vẫn không đến. Từ đó cho thấy bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ và kéo dài thời gian trả nợ cho nguyên đơn. Nhận thấy, qua tài liệu chứng cứ thể hiện trên Hợp đồng tín dụng và các chứng từ khác có liên quan có đủ căn cứ xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 19.289.048 đồng. Từ những phân tích trên nghĩ nên chấp nhận yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn.

+ **Về tài sản thế chấp:** Tài sản đảm bảo cho khoản xe gắn máy mang biển số 65C1-1184, giấy chứng nhận số 012106 do Công an quận C cấp ngày 01/4/2010, số máy 5P11168489, số khung P110AY168489, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đen, dung tích 133, chủ sở hữu là ông Lê Minh T. Do tài sản đảm bảo

là động sản và bị đơn cũng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có cơ sở để tiến hành thẩm định tài sản thế chấp theo quy định. Nguyên đơn cũng có ý kiến không yêu cầu gì đối với tài sản thế chấp. Chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử chưa xem xét xử lý tài sản đảm bảo trong vụ án này. Nếu sau này nguyên đơn có yêu cầu thì sẽ giải quyết thành vụ án khác.

+ **Về án phí:** Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo qui định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: - Khoản 3 Điều 26, 36, 39, 91, 147, 227, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 357, Điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH K14.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng L.

Buộc bị đơn ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Phúc H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng L số tiền là 19.289.048đ (Mười chín triệu hai trăm, tám mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi tám đồng). Trong đó có 17.180.000đ nợ gốc và lãi tính đến tháng 9/2019 với số tiền lãi là 2.109.048đ. Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì bị đơn còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi hành xong, mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng.

2. Về tài sản đảm bảo cho khoản vay: Tài sản đảm bảo cho khoản vay là xe gắn máy mang biển số 65C1-1184, giấy chứng nhận số 012106 do Công an quận C cấp ngày 01/4/2010, số máy 5P11168489, số khung P110AY168489, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đen, dung tích 133, chủ sở hữu là ông Lê Minh T, chưa xem xét giải quyết do nguyên đơn chưa yêu cầu. Nếu sau này nguyên đơn có yêu cầu thì sẽ giải quyết thành vụ án khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Phúc H phải nộp 964.450đ (Chín trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi đồng). Nguyên đơn Ngân hàng L được nhận lại 475.057đ (Bốn trăm bảy mươi lăm nghìn

không trăm năm mươi bảy đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 007440 ngày 04/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận C.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Thanh Bùi Thanh Trí

Phan Thị Hồng Dung

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. C;
- Chi cục THA Q. C;
- Lưu HS..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Hồng Dung